

Số: 53/2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ, vào Công an nhân dân từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương hiện không hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hàng tháng thuộc một trong các trường hợp sau, được thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng quy định tại Điều 4 hoặc trợ cấp một lần quy định tại Điều 5 Quyết định này:

a) Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng;

b) Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân có dưới 15 năm công tác trong Công an nhân dân được hưởng trợ cấp một lần.

2. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ, vào Công an nhân dân từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương, sau đó công tác ở xã, phường, thị trấn:

a) Những người có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân, sau đó tiếp tục công tác ở xã, phường, thị trấn, đã nghỉ việc đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng hoặc chế độ hưu trí, được hưởng chế độ trợ cấp một lần.

b) Những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân hiện đang công tác ở xã, phường, thị trấn hưởng lương từ ngân sách Nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, nếu đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc, được thực hiện chế độ trợ cấp một lần; nếu không đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP, được thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng.

c) Những người có dưới 15 năm công tác trong Công an nhân dân, hiện đang công tác ở xã, phường, thị trấn hưởng lương từ ngân sách nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, được hưởng chế độ trợ cấp một lần.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

1. Những người đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ trợ cấp hàng tháng (trừ số cán bộ xã đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ trợ cấp hàng tháng), chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hàng tháng.

2. Những người thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng đầu hàng địch, phản bội, vi phạm pháp luật bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia mà chưa được xóa án tích hoặc đang chấp hành hình phạt tù chung thân thì không được thực hiện các chế độ quy định tại Quyết định này.

3. Đối tượng đã được hưởng trợ cấp một lần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; khoản 2 Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ thì không hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại Điều 5 Quyết định này.

Điều 4. Chế độ trợ cấp hàng tháng

1. Trợ cấp hàng tháng được tính theo số năm công tác thực tế trong Công an nhân dân: đủ 15 năm được trợ cấp 813.614 đồng/người/tháng, sau đó cứ thêm một năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 5% trên mức trợ cấp khởi điểm.

Khi Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp hàng tháng thì mức trợ cấp hàng tháng nêu trên được điều chỉnh tương ứng theo quy định của Chính phủ.

2. Người được hưởng trợ cấp hàng tháng từ trần thì thôi hưởng từ tháng tiếp theo. Thân nhân của người từ trần được trợ cấp một lần bằng 03 tháng trợ cấp hiện hưởng của người từ trần.

Điều 5. Chế độ trợ cấp một lần

1. Trợ cấp một lần được tính theo số năm công tác thực tế trong Công an nhân dân: đủ 2 năm trở xuống được trợ cấp bằng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); từ năm thứ 3 trở đi, cứ mỗi năm được trợ cấp bằng 600.000 đồng.

Trường hợp có tháng lẻ: dưới 6 tháng được tính bằng một nửa (1/2) mức hưởng của một năm, từ đủ 6 tháng đến dưới 12 tháng được tính bằng mức hưởng của một năm.

2. Những người thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 Quyết định này đã từ trần từ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì một trong những người sau đây: vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp của người từ trần được trợ cấp một lần bằng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Điều 6. Kinh phí bảo đảm

Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ quy định tại Quyết định này do ngân sách trung ương bảo đảm.

Điều 7. Xử lý vi phạm

1. Việc xác nhận, xét duyệt đối tượng hưởng chế độ quy định tại Quyết định này phải bảo đảm công khai, chặt chẽ, chính xác và thuận tiện.

2. Những người có hành vi làm sai lệch hoặc giả mạo hồ sơ để hưởng chế độ thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quy định về cộng thời gian tính hưởng chế độ

1. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân đã xuất ngũ, thôi việc về địa phương có thời gian tham gia Quân đội nhân dân từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước thì thời gian công tác trong quân đội được cộng với thời gian công tác trong Công an nhân dân để thực hiện các chế độ quy định tại Quyết định này.

2. Những người thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 Quyết định này có thời gian công tác trong quân đội nhân dân mà thời gian đó đã được thực hiện chế độ quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương thì không được cộng thời gian công tác trong quân đội nhân dân vào thời gian công tác trong Công an nhân dân để tính hưởng chế độ theo Quyết định này. Trường hợp có nguyện vọng cộng thời gian công tác trong quân đội nhân dân với thời gian công tác trong Công an nhân dân để đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này thì phải nộp lại khoản trợ cấp một lần đã nhận. Trường hợp đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg thì được bổ sung thời gian công tác trong Công an nhân dân vào thời gian công tác thực tế được tính hưởng trợ cấp hàng tháng để điều chỉnh mức trợ cấp đang hưởng.

3. Đối tượng đã được hưởng trợ cấp một lần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; khoản 2 Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ đủ điều kiện chuyển sang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng thì ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện truy thu khoản trợ cấp một lần đã nhận vào ngân sách nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm của các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này; chỉ đạo tổ chức việc xét duyệt, thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng; xét duyệt và chi trả chế độ trợ cấp một lần với đối tượng.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chỉ đạo tiếp nhận, quản lý và chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng theo quy định.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện chế độ và lệ phí chi trả theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện chế độ đối với đối tượng.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2010.

2. Chế độ trợ cấp hàng tháng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2010.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /,

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). XII 290

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Sinh Hùng